

Bản án số: 26/2017/HSST
Ngày: 14/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đông Phong - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

2. Bà Trần Thị Bích Vân - Phó giám đốc trung tâm dân số và kế hoạch hóa gia đình huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa bà: Mạc Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2017/HSST ngày 09/11/2017 đối với bị cáo:

Đỗ Minh C, sinh năm 1993, tại tỉnh Gia Lai; trú tại: Tổ 3, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Đỗ Minh H, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1967; Vợ Phan Thị Kiều T, sinh năm 1994 (đã ly hôn) và có một người con chung; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2017 cho đến hiện nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại:***

1. Nguyễn Văn Vi, sinh năm 1990; trú tại: thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Nguyễn Thành V, sinh năm 1991; trú tại: thôn C, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Châu Thị Kim N, sinh năm 1979; trú tại: tổ 2, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Đỗ Minh H, sinh năm 1966; trú tại: tổ 3, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Đỗ Minh C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 23/7/2017 Nguyễn Thành V điều khiển xe mô tô BKS 81G1-102.71 chở Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn Vi điều khiển xe mô tô BKS 81F1- 067.68 đi đến nhà chị Phan Thị Kiều T để chơi. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày Đỗ Minh C mang theo một con dao rựa đến nhà chị T là vợ cũ của C để gây sự với anh Vi. Khi tới nhà chị T, C dừng xe ở ngoài cổng và đi bộ vào nhà thì thấy các anh Vi, anh V và anh S đang ngồi chơi trong phòng khách cùng chị T. Tại đây C và Vi xảy ra cự cãi, trong quá trình cự cãi C rút trong người ra cái rựa mà C mang theo định đánh Vi thì bị chị T kéo ra ngoài. C bỏ đi ra ngõ thì phát hiện có hai xe mô tô BKS 81G1-102.71 và xe mô tô BKS 81F1- 067.68 của anh V và anh Vi đang dựng trước sân nên đã dùng rựa chém một cái vào mặt nạ đồng hồ và một cái phía sau xe mô tô BKS 81G1-102.71 làm mặt nạ đồng hồ xe bị bể và ốp sườn xe bị xước, sau đó C bỏ ra ngoài tiếp tục nhặt khoảng 03 đến 04 viên gạch ống ở mương nước trước cổng nhà chị T ném vào hai xe mô tô trên làm hai xe bị hư hỏng rồi điều khiển xe mô tô BKS 81B1-722.33 về nhà ngủ.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 28/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện kết luận: Giá trị thiệt hại Xe mô tô BKS 81G1-102.71 (nhãn hiệu: HONDA, loại xe: AIR BLADE, màu sơn: trắng - xám, số máy: JF46E6014299 số khung: 4615EZ014277) tại thời điểm ngày 23/7/2017 là 950.000 đồng; Xe mô tô BKS 81G1-067.68 nhãn hiệu: HONDA, loại xe: AIR BLADE, màu sơn: đỏ-bạc-đen, số máy: JF27E0445632 số khung: 1802AY394777) tại thời điểm ngày 23/7/2017 là 2.650.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 22/Ctr-VKS ngày 08/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Đỗ Minh C về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo khoản 1 Điều 143 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Minh C phạm tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Minh C từ 06 đến 09 tháng tù. Các bị hại không yêu cầu bồi thường nên không buộc bị cáo phải bồi thường. Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Minh C khai nhận toàn bộ hành vi của mình phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập có được trong hồ sơ vụ án, vì vậy đã có đủ cơ sở Hội đồng xét xử kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 23/7/2017 bị cáo Đỗ Minh C mang theo một con dao rựa đến nhà chị Phan Thị Kiều T là vợ cũ của C để gây sự với Nguyễn Văn Vi, khi tới nhà chị T bị cáo C gặp các anh Vi, anh V và anh S đang ngồi chơi trong phòng khách cùng

chị T. Tại đây bị cáo C đã gây sự với anh Vi và rút trong người ra một con dao rựa mà bị cáo mang theo định đánh Vi thì bị chị T ngăn cản. Sau đó bị cáo C bỏ đi ra ngõ thì phát hiện có hai xe mô tô BKS 81G1-102.71 và xe mô tô BKS 81F1- 067.68 của anh V và anh Vi đang dựng trước sân nên dùng rựa chém vào mặt nạ đồng hồ và phía sau xe mô tô BKS 81G1-102.71 làm hư hỏng chiếc xe trên, sau đó tiếp tục nhặt gạch ông ném vào hai xe mô tô trên làm hai xe bị hư hỏng.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 28/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện kết luận: Giá trị thiệt hại Xe mô tô BKS 81G1-102.71 (nhãn hiệu: HONDA, loại xe: AIR BLADE, màu sơn: trắng - xám, số máy: JF46E6014299 số khung: 4615EZ014277) là 950.000 đồng; Xe mô tô BKS 81G1-067.68 nhãn hiệu: HONDA, loại xe: AIR BLADE, màu sơn: đỏ-bạc-đen, số máy: JF27E0445632 số khung: 1802AY394777) là 2.650.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại bị cáo gây ra là 3.600.000 đồng. Từ những nhận định trên đã có đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Đỗ Minh C phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 143 của Bộ luật hình sự.

Để nhận xét và đánh giá đúng nội dung tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả gây ra cho xã hội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy rằng:

Xét về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của bị cáo C là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh Vi và anh V đang trực tiếp quản lý, sử dụng được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, đồng thời hành vi trên còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Để giải tỏa đi sự bức tức của bản thân, bị cáo đã dùng con dao rựa để chặt và dùng gạch để ném vào xe mô tô của người khác làm cho nó bị hư hỏng, mà đáng lẽ ra bị cáo phải nhận thức được rằng quyền về tài sản luôn được Nhà nước tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều trái pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo C phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo đã có thời gian phục vụ cho quân đội và đã được xuất ngũ năm 2015 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi xét tính chất của vụ án các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn thật nghiêm khắc nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội là điều cần thiết.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra anh V yêu cầu bị cáo C bồi thường số tiền sửa chữa xe mô tô BKS 81G1- 102.71 là 950.000 đồng và anh Vi yêu cầu bị cáo C bồi thường số tiền sửa chữa xe mô tô BKS 81F1- 067.68 là 2.650.000

đồng. Tại phiên tòa anh Vi và anh V tự nguyện cho bị cáo số tiền trên và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Vi đã sửa chữa chiếc xe và trả lại cho chị N nên chị N không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại tài sản là các xe mô tô cho các chủ sở hữu hợp pháp đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Thu giữ 04 viên gạch xây dựng có đặc điểm loại gạch 06 lỗ, viên thứ nhất (17x11x6 cm) bị bể vỡ; viên thứ hai (17x11x6 cm) bị vỡ hai đầu một đầu rộng 08cm một đầu rộng 07cm; viên thứ ba (17x8x6 cm) bị bể vỡ; Viên thứ 4 (17x11x6 cm) bị bể vỡ hai đầu còn lại 06cm. Xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo Đỗ Minh C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Minh C phạm tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 143; Điều 33; điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Đỗ Minh C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam là ngày 12/9/2017.

3. Áp dụng Điều 76 khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử tịch thu tiêu hủy các tang vật sau đây: 04 viên gạch xây dựng có đặc điểm loại gạch 06 lỗ, viên thứ nhất (17x11x6 cm) bị bể vỡ; viên thứ hai (17x11x6 cm) bị vỡ hai đầu một đầu rộng 08cm một đầu rộng 07cm; viên thứ ba (17x8x6 cm) bị bể vỡ; Viên thứ 4 (17x11x6 cm) bị bể vỡ hai đầu còn lại 06cm. Xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Việc xử lý vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/11/2017, giữa cơ quan Công an và Chi cục thi hành án huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Xử buộc bị cáo Đỗ Minh C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (14/12/2017) bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi họ cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình